



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thừa Thiên Huế*

Số 13

Ngày 03 tháng 4 năm 2018

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

19-3-2018	Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	03
26-3-2018	Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	04
27-3-2018	Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm tôm chua Huế.	05

#### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

29-12-2017	Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND huyện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp huyện.	16
------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

- 23-3-2018 Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật (Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện). 18

### **VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

- 19-3-2018 Quyết định số 627/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2018 và định hướng đến năm 2020. 19

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH****Bãi bỏ Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh  
Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;**Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
63/TTr-STNMT-KS ngày 13 tháng 3 năm 2018.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Lý do: Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 không còn phù hợp quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 3 năm 2018.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao, Du lịch, Tư pháp; Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH****Phan Ngọc Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 3 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 656/STC-QLGCS ngày 22 tháng 3 năm 2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Kho bạc nhà nước căn cứ vào thông báo số tiền phải nộp của cơ quan tài chính các cấp, thực hiện hạch toán vào thu ngân sách cấp tỉnh.”

2. Bổ sung điểm c vào khoản 3 Điều 3 như sau:

“c) Hướng dẫn thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Cao**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm tôm chua Huế**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 194/TTr-SKHCN ngày 13 tháng 3 năm 2018.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm tôm chua Huế.

Ký hiệu: QCDP 1:2018/TT-H.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2018. Các sản phẩm tôm chua đã công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm được giữ nguyên giá trị hiệu lực công bố kể từ ngày Sở Y tế xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Dung**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**QCĐP 1:2018/TT-H**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG  
TÔM CHUA HUẾ**

*Local technical regulation of “Tom Chua Hue”*

**THỪA THIÊN HUẾ - 2018**

**QCĐP 1:2018/TT-H****LỜI NÓI ĐẦU**

QCĐP 1:2018/TT-H do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm tôm chua Huế biên soạn, Sở Khoa học và Công nghệ trình duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018.



---

---

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**  
**TÔM CHUA HUẾ**  
*Local technical regulation of “Tom chua Huế”*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định chỉ tiêu cảm quan, mức giới hạn an toàn thực phẩm và các yêu cầu quản lý đối với sản phẩm tôm chua được sản xuất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với: Các tổ chức, cá nhân sản xuất tôm chua trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và kinh doanh sản phẩm Tôm chua được sản xuất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**1.3. Giải thích từ ngữ**

Tôm chua là sản phẩm của quá trình lên men tôm với muối, cơm (hoặc xôi) ở nhiệt độ và thời gian nhất định tạo mùi, vị và màu sắc đặc trưng.

**II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT**

**2.1. Yêu cầu đối với nguyên liệu**

2.1.1. Tôm: phải tươi và nguyên con, không lẫn tạp chất.

2.1.2. Muối: phải đạt yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 9639:2013 *Muối (Natri Clorua) tinh*.

2.1.3. Cơm (xôi): được nấu chín từ gạo (gạo nếp) không bị mốc, mối mọt.

2.1.4. Các nguyên liệu khác: là nguyên liệu dùng để chế biến tôm chua như ớt, riềng, tỏi, cà rốt, măng, đu đủ phải có nguồn gốc rõ ràng và được lựa chọn, xử lý đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

**QCĐP 1:2018/TT-H****2.2. Các chỉ tiêu cảm quan, mức giới hạn an toàn thực phẩm đối với sản phẩm tôm chua**

## 2.2.1. Chỉ tiêu cảm quan

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu cảm quan	Phương pháp thử
1	Màu sắc	Màu nâu đỏ đến đỏ gạch	TCVN 5277:1990
2	Mùi	Mùi thơm của tôm chua chín, không tanh và không có mùi lạ	TCVN 5277:1990
3	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm tôm chua chín (chua, mặn, ngọt, cay: quyện vị vừa phải)	TCVN 5277:1990
4	Trạng thái	Tôm nguyên con, mềm mại, dai, dịch của sản phẩm có độ sệt	TCVN 5277:1990

## 2.2.2. Chỉ tiêu lý hóa

Stt	Tên chỉ tiêu	Mức quy định	Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu <sup>(1)</sup>
1	Tỷ lệ giữa hàm lượng nitơ axit amin và hàm lượng nitơ tổng số của sản phẩm, %	$\geq 20$	TCVN 3708:1990	A
2	Hàm lượng nitơ amoniac trên sản phẩm, g/kg	$\leq 1,5$	TCVN 3706:1990	A
3	Hàm lượng nitơ tổng số trên sản phẩm, g/kg	$\geq 12$	TCVN 3705:1990	A
4	Hàm lượng tôm trong khối lượng sản phẩm, %	$\geq 50$	TCVN 4411:1987	B
5	Hàm lượng natri clorua trong khối lượng sản phẩm, %	$\leq 10$	TCVN 3701:1990	B
6	Hàm lượng Histamine, mg/kg	$\leq 150$	LC/MS/MS	B

<sup>(1)</sup> Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy. Chỉ tiêu loại B: không bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến sản phẩm tôm chua chua phải đáp ứng các yêu cầu đối với chỉ tiêu loại B.

## QCĐP 1:2018/TT-H

## 2.2.3. Giới hạn tối đa về hàm lượng kim loại nặng

Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu <sup>(1)</sup>
1. Chì, mg/kg	0,5	TCVN 7602:2007	A
2. Cadmi, mg/kg	0,5	TCVN 7603:2007	A
3. Thủy ngân, mg/kg	0,5	TCVN 7604:2007	A

<sup>(1)</sup> Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy.

## 2.2.4. Chỉ tiêu vi sinh vật

Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử	Phân loại chỉ tiêu <sup>(1)</sup>
1. E. Coli, MPN/g sản phẩm	3 <sup>(2)</sup>	TCVN 6846:2007	A
2. Tổng số bào tử nấm mốc, CFU/sản phẩm	10	TCVN 8275-2:2010	A
3. Salmonella, phát hiện/25g sản phẩm	KPH <sup>(3)</sup>	TCVN 10780-2:2015	A
4. S. aureus, CFU/g sản phẩm	10	TCVN 4830-3:2005	A
5. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g sản phẩm	10 <sup>5</sup>	TCVN 4884-1:2015	A
6. Coliforms, MPN/g sản phẩm	10	TCVN 6848:2007	B
7. Clostridium perfringens, MPN/g sản phẩm	10	TCVN 4991:2005	B

<sup>(1)</sup> Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy. Chỉ tiêu loại B: không bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến sản phẩm tôm chua phải đáp ứng các yêu cầu đối với chỉ tiêu loại B

<sup>(2)</sup> MPN/g

<sup>(3)</sup> trong 25g

**QCĐP 1:2018/TT-H**

2.2.5. Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng phù hợp với quy định tại Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm và Thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

2.2.6. Có thể sử dụng các phương pháp thử khác có độ chính xác cao hơn hoặc tương đương hoặc phương pháp thử phiên bản cập nhật mới.

2.2.7. Số hiệu và tên đầy đủ của phương pháp lấy mẫu và các phương pháp thử được quy định tại Phụ lục IV của Quy chuẩn này.

**2.3. Bao gói, ghi nhãn**

2.3.1. Bao gói: vật liệu bao gói trực tiếp đối với sản phẩm tôm chua Huế phải đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

2.3.2. Ghi nhãn: việc ghi nhãn sản phẩm tôm chua phải theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, đồng thời tuân thủ các quy định theo Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ****3.1. Công bố hợp quy**

3.1.1. Các sản phẩm tôm chua được sản xuất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phải được công bố hợp quy phù hợp với các quy định tại Quy chuẩn này trước khi lưu thông trên thị trường. Việc công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định hoặc dựa vào kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của các phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định;

3.1.2. Phương thức, trình tự, thủ tục công bố hợp quy được thực hiện theo Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và Thông tư 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phương thức đánh giá hợp quy thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

### **3.2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật**

3.2.1. Các sản phẩm tôm chua được sản xuất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và lưu thông trên thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế phải chịu sự thanh tra, kiểm tra về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và đảm bảo an toàn thực phẩm.

3.2.2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và giám sát đối với các sản phẩm tôm chua sản xuất, lưu thông trên thị trường. Trong trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm với các quy định trong Quy chuẩn thì tiến hành xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa và đảm bảo an toàn thực phẩm.

## **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

4.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm tôm chua trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phải công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế và bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn theo đúng nội dung đã công bố.

4.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất chỉ được đưa ra lưu thông trên thị trường các sản phẩm tôm chua Huế đã được đăng ký bản công bố hợp quy và bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn, ghi nhãn phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

5.1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

5.2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan tiến hành rà soát kiến nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

5.3. Trong trường hợp các tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Dung**

**Phụ lục****DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CẢM QUAN VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔM CHUA HUẾ****I. Lấy mẫu**

1. TCVN 5276:1990: Thủy sản, lấy mẫu và chuẩn bị mẫu.

**II. Thử chỉ tiêu cảm quan**

1. TCVN 5277:1990: Thủy sản, phương pháp thử cảm quan.

**III. Phương pháp thử các chỉ tiêu lý hóa**

1. TCVN 3705:1990: Thủy sản, phương pháp xác định hàm lượng nitơ tổng số và Protein thô.

2. TCVN 3706:1990: Thủy sản, phương pháp xác định hàm lượng nitơ amoniac.

3. TCVN 3708:1990: Thủy sản, phương pháp xác định hàm lượng nitơ axit amin.

4. TCVN 4411:1987: Đồ hộp, phương pháp xác định khối lượng tịnh theo khối lượng các thành phần trong đồ hộp.

5. TCVN 3701:2009: Thủy sản và sản phẩm thủy sản - Xác định hàm lượng natri clorua.

6. LC/MS/MS: Phương pháp sắc ký lỏng ghép đầu dò khối phổ.

**IV. Phương pháp thử các chỉ tiêu kim loại nặng**

1. TCVN 7602:2007: Thực phẩm - Xác định hàm lượng chì bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử.

2. TCVN 7603:2007: Thực phẩm - Xác định hàm lượng cadimi bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử.

3. TCVN 7604:2007: Thực phẩm - Xác định thủy ngân bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử không ngọn lửa.

**V. Phương pháp thử các chỉ tiêu vi sinh vật**

1. TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005): Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp phát hiện và định lượng E. Coli giả định - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn.

**QCĐP 1:2018/TT-H**

2. TCVN 8275-2:2010: Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng nấm men và nấm mốc - Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95.
3. TCVN 10780-2:2015 (ISO/TS 6579-2:2012): về Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp phát hiện, định lượng và xác định kiểu huyết thanh của *Salmonella* - Phần 2: Định lượng bằng kỹ thuật số đếm có xác suất lớn nhất được thu nhỏ.
4. TCVN 4830-3:2005 (ISO 6888-3:2003): Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng *Staphylococcus aureus* có phản ứng dương tính với Coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác) trên đĩa thạch - Phần 3: Phát triển và dùng kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) để đếm số lượng nhỏ).
5. TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013): về Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Phương pháp định lượng vi sinh vật - Phần 1: Đếm khuẩn lạc ở 30 độ C bằng kỹ thuật đổ đĩa.
6. TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006): Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng *coliforms* - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc.
7. TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004): Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng *Clostridium perfringens* trên đĩa thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2017/QĐ-UBND

Phong Điền, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND huyện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp huyện****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 23/2014/TTLT- BTP- BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp và Trưởng phòng Nội vụ huyện.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bãi bỏ Khoản 1 của Điều 1; Khoản 9 của Điều 2 tại Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND huyện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp huyện, cụ thể:



1. Sửa đổi Khoản 1 của Điều 1, như sau:

“Điều 1. Vị trí và chức năng của Phòng Tư pháp huyện

1. Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.”

2. Bãi bỏ Khoản 9 của Điều 2 như sau:

“9. Về kiểm soát thủ tục hành chính:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên và theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính;

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn huyện để kiến nghị, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện niêm yết công khai thủ tục hành chính, báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cơ quan chuyên môn huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Đức Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2018/QĐ-UBND

Phong Điền, ngày 23 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ và Trưởng phòng Tư pháp huyện.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Đức Hùng**

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 627/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư  
của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2018 và định hướng đến năm 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2018 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 530/SKHĐT-DNTT ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc đề xuất bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018 và tầm nhìn đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2018 và định hướng đến năm 2020 (*Phụ lục danh mục dự án đính kèm*).

**Điều 2.** Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành và các địa phương liên quan có trách nhiệm công bố Danh mục dự án được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử thuộc đơn vị quản lý.

**Điều 3.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh và các cơ quan liên quan căn cứ Danh mục dự án được phê duyệt, tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư tham gia nghiên cứu và thực hiện dự án theo quy định hiện hành; định kỳ tham mưu UBND tỉnh cập nhật, bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2018 và định hướng đến năm 2020 không trái với nội dung Quyết định này vẫn giữ nguyên.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Cao**

**DANH MỤC BỔ SUNG DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
GIAI ĐOẠN 2017 - 2018 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu	Quy mô dự án	Điều kiện năng lực nhà đầu tư thực hiện dự án	Hình thức đầu tư
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA (GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ, Y TẾ, VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, MÔI TRƯỜNG)</b>					
1	Trường mầm non	Khu đất ký hiệu CC5 thuộc khu A - Khu đô thị An Vân Dương	Đầu tư xây dựng Trường mầm non và tiểu học chất lượng cao	Khoảng 6.934 m <sup>2</sup>	Đáp ứng các điều kiện về đầu tư lĩnh vực xã hội hóa theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sau 30 ngày công bố, nếu chỉ có 01 nhà đầu tư quan tâm, thực hiện cấp Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; nếu có trên 01 nhà đầu tư quan tâm, thực hiện lựa chọn nhà đầu tư dự án theo quy định.
2	Thành phố giáo dục quốc tế	Khu E - Khu đô thị An Vân Dương	Xây dựng tổ hợp đầy đủ các thiết chế giáo dục từ mầm non đến sau đại học và hệ thống tiện ích phục vụ nhu cầu giáo dục chất lượng cao.	Khoảng 40ha		
3	Trung tâm đào tạo thời trang	Khu đất trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) và phần diện tích ven sông tại phường Thủy Biều, thành phố Huế.	Đầu tư một cơ sở đào tạo ngoài công lập ở bậc giáo dục nghề nghiệp trong ngành thời trang	Khoảng 2,1 ha		
<b>II</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>					
4	Lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Vùng Chòi, phường Hương An, thị xã Hương Trà	Xây dựng lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và an toàn vệ sinh; có dây chuyền giết mổ hiện đại.	Khoảng 5 ha	Đáp ứng điều kiện về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Luật Đầu tư và các điều kiện được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.	Sau 30 ngày công bố, nếu chỉ có 01 nhà đầu tư quan tâm, thực hiện cấp Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; nếu có trên 01 nhà đầu tư quan tâm, thực hiện lựa chọn nhà đầu tư dự án theo quy định.

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu	Quy mô dự án	Điều kiện năng lực nhà đầu tư thực hiện dự án	Hình thức đầu tư
<b>III</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC DU LỊCH, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ</b>					
5	Tổ hợp khách sạn cao cấp - dịch vụ thương mại - trung tâm hội nghị hội thảo quốc tế.	07-09-11 Tôn Đức Thắng (gồm Sở Tư Pháp, Sở KH&ĐT, Thanh tra tỉnh, Tòa án tỉnh và khu vực bao quanh bởi các trục đường Hùng Vương - Lê Quý Đôn - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Thị Minh Khai), thành phố Huế	Hình thành tổ hợp khách sạn cao cấp - dịch vụ thương mại - trung tâm hội nghị hội thảo quốc tế.	Khoảng 6,8 ha	Đáp ứng điều kiện về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Luật Đầu tư và các điều kiện được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.	Đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản trên đất hoặc đấu giá quyền thuê đất, tài sản trên đất theo quy định.
6	Tổ hợp khách sạn cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại.	26 - 28 Lê Lợi (Sở Y tế, Liên hiệp các Hội VHNT tỉnh, Viện Quy hoạch Xây dựng tỉnh,...), thành phố Huế	Tổ chức kêu gọi đầu tư để hình thành khu tổ hợp khách sạn cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại.	Khoảng 0,62 ha		
7	Tổ hợp khách sạn cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại.	22 - 24 Lê Lợi (Sở GD&ĐT, Sở KH&CN, Trung tâm PTQĐ tỉnh...), thành phố Huế	Tổ chức kêu gọi đầu tư để hình thành khu tổ hợp khách sạn cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại.	Khoảng 0,48 ha		
8	Khu dịch vụ thương mại	02 Nguyễn Trường Tộ - 35, 37 Nguyễn Huệ (Sở Xây dựng, Sở Du lịch cũ, Ban Quản lý KKT - KCN tỉnh), thành phố Huế	Hình thành thiết chế du lịch - dịch vụ - thương mại phục vụ khách du lịch và người dân địa phương	Khoảng 0,52 ha		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục tiêu	Quy mô dự án	Điều kiện năng lực nhà đầu tư thực hiện dự án	Hình thức đầu tư
9	Khu dịch vụ bến thuyền du lịch và ẩm thực	243 Nguyễn Sinh Cung (nhà máy bia HUDA cũ), thành phố Huế	Hình thành Khu dịch vụ bến thuyền du lịch và ẩm thực gồm các chức năng: Bến neo đậu tập trung cho tàu, thuyền du lịch; Trung tâm dịch vụ hậu cần cho tàu, thuyền du lịch Khu dịch vụ ẩm thực.	Khoảng 1,2 ha	Đáp ứng điều kiện về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Luật Đầu tư và các điều kiện được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.	Đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản trên đất hoặc đấu giá quyền thuê đất, tài sản trên đất theo quy định.
10	Khu du lịch kết hợp thương mại dịch vụ	Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy	Hình thành thiết chế du lịch - dịch vụ - thương mại phục vụ khách du lịch và người dân địa phương	Khoảng 19 ha		
11	Bảo tàng ẩm thực Việt Nam	Phường Xuân Phú, thành phố Huế	Xây dựng bảo tàng văn hóa ẩm thực Việt Nam, từng bước hình thành thương hiệu du lịch ẩm thực, định hướng xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành "Kinh đô ẩm thực" của Việt Nam	Khoảng 0,7 ha		

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: [congbao@thuathienhue.gov.vn](mailto:congbao@thuathienhue.gov.vn);

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Sản xuất bao bì Huế.